

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
Bản án số: 106/2020/DS-ST  
Ngày: 29-9-2020  
V/v: Tranh chấp đòi tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Lâm

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXXST – DS, ngày 25 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Quốc H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp Chiến T, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 82, đường D8, KDC C, Khu phố 11, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Nguyên đơn trình bày:

Giữa ông Nguyễn Quốc H và ông Nguyễn Trọng Q có mối quan hệ quen biết. Vào khoảng thời gian năm 2012- đến năm 2015 ông H thực hiện nghĩa vụ quân sự (phục vụ có thời hạn trong ngành Công an nhân dân – Tại đơn vị Công an tỉnh Bình Dương - Phòng cảnh sát cơ động). Gần hết thời hạn nghĩa vụ quân sự (hết hạn vào tháng 10/2015), do quen biết với ông Q và tâm sự nguyện vọng muốn vào làm ngành Công an nên ông Q ngỏ ý giúp đỡ, hứa hẹn sẽ giúp ông H được xét trúng tuyển vào ngành Công an.

Vì vậy, vào khoảng tháng 8 năm 2015 ông Q trao đổi và yêu cầu ông H đưa tiền để ông Q lo giúp và hứa nếu không lo cho ông H được trúng tuyển vào ngành Công an thì ông Q sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận. Do tin tưởng và mong muốn được vào ngành Công an nên ông H đã giao cho ông Q nhiều lần tiền. Tổng cộng là 270.000.000 đồng.

Đến đầu năm 2016, nghi ngờ ông Q không giữ lời hứa, không lo được cho ông H, không giúp được ông H trúng tuyển vào Công an nên ông H đã yêu cầu ông Q trả lại số tiền 270.000.000 đồng. Ông Q đồng ý trả lại tiền, hứa hẹn trả tiền và đã viết giấy thừa nhận có nhận của ông H số tiền 270.000.000 đồng và cam kết không lo được việc thì phải trả lại toàn bộ số tiền này. Do không thực hiện đúng lời hứa nên ông Q đã viết giấy cam kết hoàn trả lại toàn bộ số tiền này trong thời hạn 03 tháng, tính từ ngày 27/3/2016 đến ngày 30/6/2016. Đến ngày 28/7/2016 ông Q đã trả cho ông H số tiền 25.000.000 đồng và hứa đến cuối tháng 8/2016 sẽ tiếp tục trả 35.000.000 đồng và số tiền còn lại sẽ trả trong thời gian tiếp theo nhưng ông Q không trả mà đến ngày 09/9/2016 ông Q mới tiếp tục trả số tiền 35.000.000 đồng. Còn lại 210.000.000 đồng ông Q vẫn không trả hết cho ông H.

Vì vậy ông H đã làm đơn tố cáo ông Q tại Công an thành phố T. Tại cơ quan Công an ngày 29/10/2016 ông H và ông Q đã thỏa thuận nếu ông Q đồng ý trả hết số tiền còn lại thì ông H sẽ cho ông Q 10.000.000 đồng. Vì vậy, ông Q đã ký cam kết thỏa thuận là ngày 31/10/2016 sẽ trả 15.000.000 đồng; ngày 30/11/2016 trả 35.000.000 đồng; ngày 31/12/2016 trả số tiền còn lại là 150.000.000 đồng. Tổng cộng là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Tại cơ quan Công an ông Q thừa nhận có nhận của ông H số tiền 270.000.000 đồng là mượn tiền của ông H để kinh doanh chứ không phải giúp ông H vào ngành Công an. Vì vậy, Công an không khởi tố vụ án và hướng dẫn ông H khởi kiện vụ án dân sự. Đến nay đã lâu mà ông Q không trả tiền cố tình trốn tránh.

Vì vậy, nay ông H khởi kiện ông Q, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Trọng Q phải trả lại cho ông Lê Quốc H số tiền 210.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất.

*Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Giấy giao hẹn, giấy giao nhận tiền, biên nhận trả tiền, giấy thỏa thuận; quyết định về việc giải quyết khiếu nại; thông báo kết quả giải quyết khiếu nại; phiếu hướng dẫn (bản photo).*

2. Bị đơn ông Nguyễn Trọng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần

để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc H nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Trọng Q.

*Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.*

*Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn ông Nguyễn Trọng Q vắng mặt không có lý do.
- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:
- + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Trọng Q **nhận** của ông Lê Quốc H số tiền 270.000.000 đồng. Ngày 28/7/2016 ông Q trả cho ông H 25.000.000 đồng và ngày 09/9/2016 ông Q trả tiếp số tiền 35.000.000 đồng, số tiền còn lại ông Q hứa trả cho ông H chậm nhất đến ngày 31/12/2016. Do ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q hoàn trả số tiền 210.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi tài sản” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền: Ông Lê Quốc H khởi kiện về việc tranh chấp đòi tài sản đối với ông Nguyễn Trọng Q, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyễn Trọng Q đang cư trú tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Trọng Q vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại giấy ghi ngày 25/02/2016 thể hiện nội dung "Tôi tên Nguyễn Trọng Q 1986 cư ngụ Bình Dương tôi có nhận Lê Quốc H S/n 1991 Dầu Tiếng 0974.333.171 số tiền là 270.000.000 đồng...". Tại giấy giao hẹn ông Q hẹn đúng 03 tháng từ ngày 27/3/2016 thanh toán lại số tiền 270.000.000 đồng cho ông H. Ngày 28/7/2016 và ngày 09/9/2016 ông Q có thanh toán cho ông H số tiền tổng cộng là 60.000.000 đồng, việc nhận tiền và thanh toán tiền được ông H thừa nhận. Tại giấy thỏa thuận ngày 29/10/2016 các bên thỏa thuận ông Q có trách nhiệm trả cho ông H số tiền tổng cộng là 200.000.000 đồng đến hết ngày 31/12/2016. Ngoài ra theo quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 22/QĐ-CSĐT-ĐTTH, ngày 30/3/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một và Thông báo kết quả giải quyết đơn khiếu nại số 25/TB-CSĐT, ngày 30/3/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một thể hiện ông Nguyễn Trọng Q thừa nhận có nhận của ông Lê Quốc H số tiền 270.000.000 đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định ông Nguyễn Trọng Q có nhận của ông Lê Quốc H số tiền 270.000.000 đồng nhưng mới chỉ thanh toán cho ông H số tiền 60.000.000 đồng.

Số tiền còn lại ông Q chưa thanh toán theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q không có mặt và cũng không có ý kiến phản đối việc khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, ông Q đã từ bỏ quyền trình bày của mình được pháp luật bảo vệ. Do ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, việc ông H khởi kiện yêu cầu ông Q thanh toán số tiền 210.000.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc H đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng Q về việc tranh chấp đòi tài sản.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận là 210.000.000 đồng, tương đương án phí là 10.500.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc H về việc tranh chấp đòi tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng Q.

Buộc ông Nguyễn Trọng Q có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Quốc H số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trọng Q phải chịu án phí là 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Lê Quốc H số tiền 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050142, ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Nga**